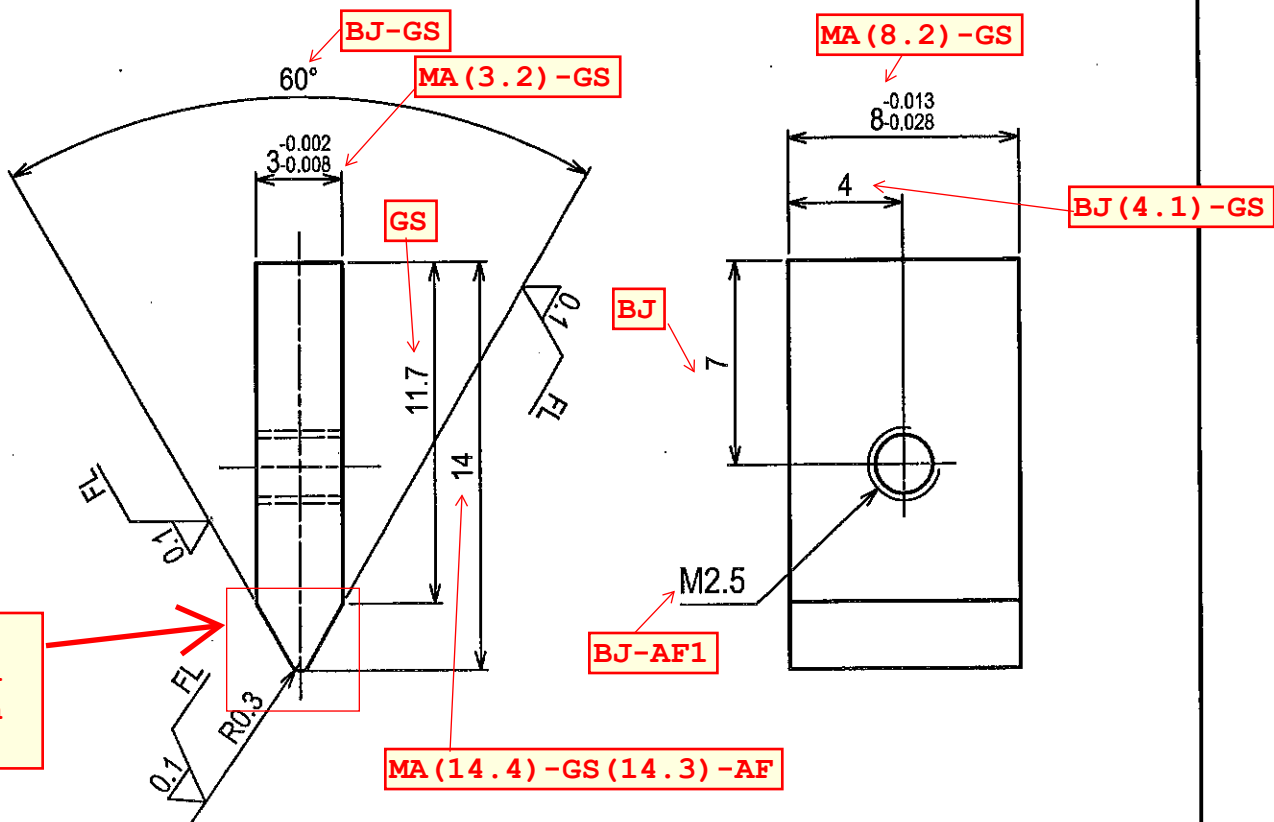
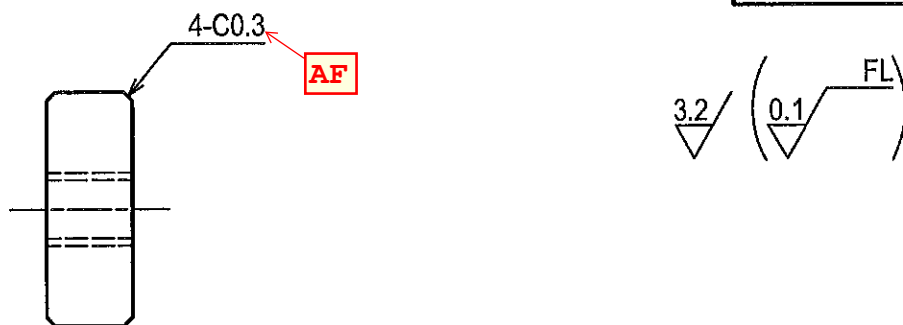


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2014/12/23			Nguyen Mau Yen	Pham Thanh Tung	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
						FINISH MARKS



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
nguyen_Khanh_Khoa	Pham_Thanh_Tung	部品図 PART DRAWING	位置決め (決め) POSITIONING
UENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	定位 (決定)
RC 58 ° ~ 62 °		部品図	定位 (決定)
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2014/12/23	4:1	S939911

SNO: **S939911**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SLD11 T4*13*20	AA:15 MA:15 BJ:20 AF:5 HT:40 GS:30 AF:15 KT